

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: **49/2021/HSST**.
Ngày: 28/9/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhã Phương.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Y Nik Êban – Cán bộ hưu trí

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết – Cán bộ hưu trí

Thư ký phiên tòa: Ông Y Kăn Niê – Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung và bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2021/TLST - HS, ngày 15 tháng 06 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 28/2021/QĐXXST - HS, ngày 07 tháng 7 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa; thông báo mở phiên tòa đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn L (Tên gọi khác: Không). Sinh ngày: 05/12/1995, tại thị xã B, tỉnh Đ; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện N, tỉnh Đ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; con ông Trần H, sinh năm 1973 và bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: + Ngày 17/8/2020, thực hiện hành vi Cướp tài sản ở huyện N, tỉnh H, chưa xét xử.

+ Ngày 31/8/2020, thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản tại huyện Đ, tỉnh A; ngày 05/9/2020 thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Thành phố N, tỉnh BĐ; ngày 13/9/2020, thực hiện hành vi Cướp tài sản tại huyện M, tỉnh Đ; ngày 25/9/2020, thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại huyện Ph, tỉnh B. Các hành vi phạm tội này đã được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ xét xử, án đã có hiệu lực pháp luật. Hiện nay bị cáo đang chấp hành án tại trại giam T. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Trần Văn K (Tên gọi khác: Không). Sinh ngày: 03/6/2001, tại thị xã B, tỉnh Đ; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện N, tỉnh Đ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; con ông Trần H, sinh năm 1973, con bà Lê thị Kim L, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: + Ngày 17/8/2020, thực hiện hành vi Cướp tài sản ở huyện N, tỉnh H, chưa xét xử.

+ Ngày 31/8/2020, thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản tại huyện Đ, tỉnh A; ngày 05/9/2020 thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Thành phố N, tỉnh B; ngày 13/9/2020, thực hiện hành vi Cướp tài sản tại huyện M, tỉnh Đ; ngày 25/9/2020, thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại huyện Ph, tỉnh B. Các hành vi phạm tội này đã được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ xét xử, án đã có hiệu lực pháp luật. Hiện nay bị cáo đang chấp hành án tại trại giam T. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: Hồ Tấn H (Tên gọi khác: Không). Sinh ngày: 03/7/1987, tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: Thôn 13, xã P, huyện B, tỉnh Đ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 2 /12; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; con ông Hồ Tấn Th (đã mất); con bà Ung Thị X, sinh năm 1961; bị cáo có vợ : Lương Thị T, sinh năm 1993 (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có án tích và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

* **Bị hại:** Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn 8, xã X, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm: 1967. Nơi cư trú: Thôn 8, xã X, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Doãn S**, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: Thôn 5, xã C, huyện B, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

3/ Ông **Vũ Văn S**, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: Số 36 đường Ngô Gia T, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

4/ Ông **Y Hoa A**, sinh năm: 1969. Nơi cư trú: Buôn K, xã P, huyện Krông B, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

5/ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: Tổ dân phố 01, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 24/8/2020, Trần Văn L và Trần Văn K (là hai anh em ruột) đến quán Internet Cy Ber Game thuộc tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện K chơi game. Tại đây, L và K quen biết với Lê Văn D và Vũ Văn S cũng là người đến chơi game. Quá trình chơi game, do hết tiền nên L hỏi mượn D 70.000 đồng để trả tiền chơi game, rồi mọi người tiếp tục ngồi chơi game. Đến khoảng 7 giờ ngày 25/8/2020, L nhờ D chở đến tiệm cầm đồ H thuộc tổ dân phố 1, thị trấn E, huyện K, để lấy thêm số tiền từ việc L thế chấp Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu trước đó. D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47P2-0625 (xe của bố D) chở L đến tiệm cầm đồ, sau khi lấy được 200.000 đồng, L trả cho D 70.000 đồng đã mượn trước đó, còn lại 130.000 đồng. Với số tiền này không đủ để ăn uống sinh hoạt nên L và K nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh D để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, L nói dối với D cho mượn xe để đi ăn cơm, D đồng ý cho L mượn xe mô tô biển kiểm soát 47P2-0625 và đưa cho L 20.000 đồng để nhờ mua cơm. Khi L hỏi mượn xe của D thì K biết ý định của L là lừa D để lấy xe nên không chơi game nữa mà cùng L đi xe của D về phòng trọ của Vũ Văn S, cả hai lấy đồ tư trang và điều khiển xe chở nhau đi theo Quốc lộ 26 về thành phố B rồi tiếp tục đi theo đường Quốc lộ 14 về hướng tỉnh G tìm nơi tiêu thụ tài sản. Khoảng 16 giờ cùng ngày, L và K đến tiệm sửa xe máy Bảo H thuộc thôn 5, xã K, huyện B, tỉnh Đ do Hồ Tấn H làm chủ; tại đây, L và K mang xe mô tô vào bán cho H. Khi gặp H, L hỏi: “anh có mua xe không?”, H trả lời có và đi xem xe. Sau khi xem xe xong H hỏi: “bán bao nhiêu? Giấy tờ đâu” thì L trả lời: “bán bốn triệu đồng, xe không có giấy tờ”. Lúc này, H biết rõ xe này do L và K phạm tội mà có nhưng thấy xe còn tốt và có thể hạ giá xuống nên H nói: “đắt quá không mua”, L hạ giá xuống 2 triệu đồng; H nghĩ mua xe này rồi về tháo L kiện, phụ tùng và lắp ráp cho các xe khác bán sẽ có lời. Tuy nhiên, sợ mua xe tại cửa hàng của mình sẽ bị Công an phát hiện xử lý, nên H gọi điện nhờ Nguyễn Doãn S (trú cùng thôn) đứng ra trả giá và mua lại chiếc xe của L với giá 1.000.000 đồng, S đồng ý và đi bộ ra tiệm sửa xe của H. Sau khi nhờ được S thì H nói với L: “em không mua, nhưng em có ông anh muốn mua xe để đi rẫy, em chỉ dùm cho”, L đồng ý nên H dẫn L đến gặp S, còn K ở lại tiệm sửa xe của H. H dẫn đường cho L đi vào nhà S, khi gần đến nhà thì L, H gặp S ở bên đường, S trả giá mua xe với số tiền 1.000.000 đồng (đúng như H nói). Vì đang cần tiền, L đồng ý bán xe và lấy 1.000.000 đồng từ S, rồi H chở L quay lại chỗ K đứng chờ, rồi L và K đón xe đi. Khoảng 20 giờ ngày 25/8/2020, H mang số tiền 1.000.000 đồng đến trả cho S rồi lấy xe mô tô biển kiểm soát 47P2-0625 mang về tiệm sửa xe của mình. Do sợ bị phát hiện là xe do phạm tội mà có nên H tháo phụ tùng, L kiện của xe ra, rồi lắp ráp cho nhiều xe của

người dân đến sửa, còn khung xe, ốc máy và biển số xe, H bán lại cho người thu mua phế liệu (hiện không nhớ đã bán, lắp vào những xe nào, cho những ai và số tiền thu được là bao nhiêu). Sau khi L, K lấy xe đi không về, anh D biết mình bị lừa nên đã làm đơn tố cáo gửi Công an huyện E.

Ngày 10/03/2021, khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar triệu tập lên làm việc, lo sợ hành vi tiêu thụ tài sản nêu trên bị phát hiện nên H đã lấy xe mô tô biển kiểm soát 47K8-6576 (đã mua trước đó), kiểu dáng Dream, màu nâu (có đặc điểm gần giống xe mô tô biển kiểm soát 47P2-0625) rồi dùng máy mài tay, mài số khung, số máy của xe và tháo biển số ra rồi nhờ S đem đến giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar nhưng bị phát hiện nên H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh; 01 sim điện thoại số 0856.57.4747 (do Hồ Tấn H giao nộp).
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, không có biển số, số máy và số khung đã bị mài mòn.
- 01 biển số xe mô tô 47K8-6576.
- 01 Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Trần H; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn L; 01 biên nhận thế chấp. Những tài liệu này là bản sao được bà Nguyễn Thị H ký xác nhận và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ (bố ruột của D) nhận số tiền 8.500.000 đồng của Hồ Tấn H, nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐ992 ngày 23/03/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện E, kết luận: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, biển số 47P2-0625, số máy: HS08E-1030367, số khung: RLHHA08048Y02580, màu sơn: Nâu. Tại thời điểm ngày 25/8/2020 có giá trị là 8.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 328/KLGĐ-PC 09, ngày 15/03/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, kết luận: 01 xe mô tô màu nâu, nhãn hiệu Honda, không biển số, số khung, số máy bị mài, có số khung: DCG012SA*000934*; Số máy: 1P50FMG-3*20242545*; qua tra cứu xe mô tô này có nhãn hiệu là ESPECIAL, biển số 47K8-6576, tên chủ sở hữu là Y Hoa A. Qua làm việc với ông Y Hoa A khẳng định xe mô tô biển kiểm soát 47K8-6576 là của ông nhưng đã bán cho một người đi đường không rõ tên tuổi, địa chỉ.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT-VKS, ngày 14/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E đã truy tố: Trần Văn L và Trần Văn K, về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Hồ Tấn H, về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar giữ quyền công tố, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo: Trần Văn L và Trần Văn K, về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Hồ Tấn H, về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Trần Văn K từ 10 (mười) đến 13 (mười ba) tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 55, 56 BLHS tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo L và K.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hồ Tấn H từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi tư) tháng.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh; 01 sim điện thoại số 0856.57.4747.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, không có biển số, số máy và số khung đã bị mài mòn.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô 47K8-6576.

- Đối với các tài liệu gồm 01 Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Trần H; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn L; 01 biên nhận thế chấp. Những tài liệu này là bản sao được bà Nguyễn Thị H ký xác nhận và giao nộp cho Cơ quan điều tra là tài liệu lưu hồ sơ vụ án.

- Truy thu của bị cáo Trần Văn L và Trần Văn K số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), đây là số tiền do phạm tội mà có.

Trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ (bố ruột của D) nhận số tiền 8.500.000 đồng của Hồ Tấn H, nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với số tiền 20.000đ D nhờ L mua com D không yêu cầu L trả lại nên không đề cập.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 135 BLTTHS; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội để buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Doãn S là người được Hồ Tấn H nhờ đứng ra mua dùm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P2-0625. Tuy nhiên, khi mua xe S không biết chiếc xe trên là do L và K phạm tội mà có nên S không đồng phạm với H. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar không khởi tố xử lý đối với S là có căn cứ.

Các bị cáo không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ cũng như ý kiến của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo tỏ thái độ ăn năn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ pháp lý khẳng định: Với ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác và vì mục đích tư lợi cá nhân nên vào ngày 25/8/2020 Trần Văn L và Trần Văn K đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P2-0625, có giá trị 8.500.000 đồng của anh Lê Văn D, sau đó đem đến bán cho Hồ Tấn H. Khi mua xe, H biết rõ đây là tài sản do L và K phạm tội mà có nhưng do ham lợi, nên đã mua với giá 1.000.000 đồng, rồi tháo rời toàn bộ phụ tùng và L kiện đem lắp ráp cho các xe đến sửa để lấy tiền. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar đã truy tố: Trần Văn L và Trần Văn K, về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Hồ Tấn H, về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự, quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng

thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ”

Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ, H quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức để biết được rằng tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi vi phạm sẽ bị pháp luật trừng trị một cách nghiêm khắc. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, vì động cơ tư lợi muốn có tiền tiêu xài, nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội.

Đối với hành vi lừa đảo, mặc dù các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước nhưng bị cáo L là người chủ động thực hiện hành vi tích cực, xuyên suốt ngay từ đầu, bị cáo K là em ruột bị cáo L, sau khi nghe L nói mượn xe D thì K hiểu ý và cùng L thực hiện hành vi phạm tội cùng với anh trai nhưng với vai trò thứ yếu. Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có của H, bị cáo cũng đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi nên bị cáo đã bất chấp thực hiện. Do đó, HĐXX cần xem xét vai trò, mức độ của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không có

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa L và K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo H, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã bồi thường khắc phục thiệt hại và được bị hại làm đơn xin bãi nại nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo L và K ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, từ đó hoàn thiện lối sống để khi tái hòa nhập cộng đồng trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Ngoài việc thực hiện hành vi lừa đảo tại huyện K, tỉnh Đ vào ngày 25/8/2020 thì L và K còn thực hiện các vụ án ở các địa phương khác như sau:

+ Ngày 17/8/2020, thực hiện hành vi Cướp tài sản ở huyện N, tỉnh H, chưa xét xử.

+ Ngày 31/8/2020, thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản tại huyện Đ, tỉnh A; ngày 05/9/2020 thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Thành phố N, tỉnh B; ngày 13/9/2020, thực hiện hành vi Cướp tài sản tại huyện M, tỉnh Đ; ngày 25/9/2020, thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại huyện Ph, tỉnh B. Các hành vi phạm tội này đã được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ xét xử, án đã có hiệu lực pháp luật, hiện các bị cáo đang chấp hành án tại trại giam T. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo L và K.

Đối với bị cáo H được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ Điều 51BLHS, hơn nữa bị cáo có nơi ở ổn định, lai lịch rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội, căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo.

Do đó, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với Nguyễn Doãn S là người được Hồ Tấn H nhờ đứng ra mua dùm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P2-0625. Tuy nhiên, khi mua xe S không biết chiếc xe trên là do L và K phạm tội mà có nên S không đồng phạm với H. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar không khởi tố xử lý đối với S là có căn cứ.

[6] *Các biện pháp tư pháp*: Căn cứ Điều 46, Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh; 01 sim điện thoại số 0856.57.4747, là phương tiện, dụng cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, không có biển số, số máy và số khung đã bị mài mòn, không liên quan đến việc phạm tội nhưng tại phiên tòa bị cáo H tự nguyện giao nộp để sung công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô 47K8-6576.

- Đối với các tài liệu gồm 01 Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Trần H; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn L; 01 biên nhận thế chấp. Những tài liệu này là bản sao được bà Nguyễn Thị H ký xác nhận và giao nộp cho Cơ quan điều tra là tài liệu lưu hồ sơ vụ án.

- Truy thu của bị cáo Trần Văn L và Trần Văn K số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), đây là số tiền do phạm tội mà có.

Trách nhiệm dân sự:

- Chấp nhận việc bị cáo Hồ Tấn H tự nguyện bồi thường số tiền 8.500.000 đồng cho bị hại (thông qua ông Lê Văn Đ là bố ruột của D đã nhận tiền). Tại phiên

tòa bị cáo H không yêu cầu L và K hoàn trả lại số tiền mà H đã bồi thường cho bị hại nên HĐXX không đề cập.

- Đối với số tiền 20.000đ D nhờ L mua com, D không yêu cầu L trả lại nên không đề cập.

[7] *Về án phí*: Các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K, Hồ Tấn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Trần Văn L và Trần Văn K phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Hồ Tấn H phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

[1] Điều luật và hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, s khoản 1 Điều 51; 55, 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 (một) năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án 32/2021/HSST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ là 11 năm 06 tháng tù. Bị cáo Trần Văn L phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 12 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 07/10/2020.

Xử phạt bị cáo Trần Văn K 11 (mười một) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án 32/2021/HSST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ là 11 năm 03 tháng tù. Bị cáo Trần Văn K phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 12 năm 02 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 07/10/2020.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hồ Tấn H 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hồ Tấn H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Đ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh; 01 sim điện thoại số 0856.57.4747.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, không có biển số, số máy và số khung đã bị mài mòn.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô 47K8-6576.

- Đối với các tài liệu gồm 01 Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Trần H; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn L; 01 biên nhận thế chấp. Những tài liệu này là bản sao được bà Nguyễn Thị H ký xác nhận và giao nộp cho Cơ quan điều tra là tài liệu lưu hồ sơ vụ án.

- Truy thu của bị cáo Trần Văn L và Trần Văn K số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

(Các vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K)

Trách nhiệm dân sự:

- Chấp nhận việc bị cáo Hồ Tấn H tự nguyện bồi thường số tiền 8.500.000 đồng cho bị hại (thông qua ông Lê văn Đ là bố ruột của D đã nhận tiền).

- Đối với số tiền 20.000đ D nhờ L mua cơm D không yêu cầu L trả lại nên không đề cập.

[3] Án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn K, Hồ Tấn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm

[4] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 – TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Công an huyện EaKar;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Bị cáo; Bị hại; người liên quan;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhã Phương